TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GÒ CÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **90**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07-6-2022
V/v tranh chấp "Ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Dũng.

2. Bà Bùi Thu Hảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Trinh - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp " *Ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Huỳnh Thị Xuân T**, sinh năm 1995 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G1, tỉnh Tiền Giang;

- *Bị đơn*: Anh **Bùi T1**, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố B, Phường T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN :

* *Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Huỳnh Thị Xuân T trình bày:* Chị và anh T1 tự tìm hiểu nhau khoảng một năm thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và chung sống với nhau từ năm 2017. Đến năm 2018 thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G1, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 29/01/2018. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Anh T1 tính tình gia

trưởng kiểm soát mọi hoạt động của chị khiến chị không có không gian riêng tư. Ngoài ra anh T1 còn thường xuyên qua lại với người phụ nữ chung sống như vợ chồng với anh T1 trước khi kết hôn với chị. Chị và anh T1 đã ly thân với nhau từ đầu năm 2021 đến nay. Mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Bùi T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Thiên A, sinh ngày 27/11/2017. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Bùi T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T1 không đến dự phiên tòa cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc chị T xin ly hôn với anh. Toà án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị T; Về hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh T1; Về con chung: Giao cháu Ân cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí chị T chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Thị Xuân T có đơn đề nghị giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Bùi T1 có địa chỉ: Khu phố B, Phường T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

[1.1] Chị Huỳnh Thị Xuân T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Bùi T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T1.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Xuân T và anh Bùi T1 kết hôn với nhau được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G1, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 29/01/2018 là hôn nhân hợp pháp. Nay chị T yêu

cầu ly hôn cần được xem xét giải quyết theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nhận thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo chị T trình bày, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa anh chị là do bất đồng trong quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Anh T1 tính tình gia trưởng kiểm soát mọi hoạt động của chị khiến chị không có không gian riêng tư và anh T1 còn thường xuyên chung sống với người phụ nữ khác bên ngoài. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T1 để hòa giải tạo điều kiện để anh chị hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặc dù, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T1 không đến để trình bày ý kiến về việc chị T xin ly hôn, chứng tỏ anh T1 cũng không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị T. Mặc khác, theo chị T trình bày anh chị đã ly thân với nhau từ đầu năm 2021 đến nay, thời gian ly thân đã lâu nhưng anh chị vẫn không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, một bên đã không còn tình cảm mà kéo dài hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai anh chị. Mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Thiên A, sinh ngày 27/11/2017. Ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy qua xác minh tại chính quyền địa phương cho biết chị T có đủ điều kiện nuôi con, con chung hiện do chị chăm sóc. Mặc khác khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung phía anh T1 cũng không có ý kiến gì. Để đảm bảo cuộc sống của cháu không bị xáo trộn, ảnh hưởng đến môi trường sống của cháu nên căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được trực tiếp nuôi cháu Ân. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết

[3] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Xuân T là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Xuân T.

1. Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Xuân T được ly hôn với anh Bùi T1.

2. Về con chung: Chị Huỳnh Thị Xuân T được tiếp tục nuôi con chung Bùi Thiên A, sinh ngày 27/11/2017. Chị Huỳnh Thị Xuân T không yêu cầu anh Bùi T1 cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Xuân T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006647 ngày 28/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G. Như vậy, chị Huỳnh Thị Xuân T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Xuân T và anh Bùi T1 có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- UBND thị trấn T, huyện GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Thị Thu Thúy